TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18/7/2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Trâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tống Nê

2. Bà Phạm Thị Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kinh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Hiền Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 229/2023/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Hạnh N, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Nơi ở hiện tại: ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Chị N có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Võ Trí V, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Nơi ở hiện tại: ấp A, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Anh V vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Hạnh N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Trí Văn tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng có bất đồng về quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Anh V thường hay chơi đá gà, không chăm lo đến cuộc sống gia đình và tính tình hay ghen tuông vô cớ. Mâu thuẫn kéo dài nhưng anh chị vẫn không khắc phục được nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm đầu năm 2023 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không thể nào tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V. Chị không yêu cầu Tòa án xem xét đến việc cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Đức M, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2013 và Võ Chí T, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2019, hiện đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Chị và anh V tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Chị và anh V không có nợ chung.

Theo các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Võ Trí V trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận thời gian anh và chị Huỳnh Thị Hạnh N kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn và thời gian chung sống như lời trình bày của chị N là đúng. Anh thừa nhận trước đây vợ chồng sống chung cũng có cãi nhau là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nhưng mâu thuẫn không đến mức trầm trọng để ly hôn. Anh vẫn luôn chăm sóc cho gia đình và thương yêu vợ con. Do anh đi làm ăn xa nên vợ chồng gần như đã sống ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay nhưng anh vẫn thường về thăm gia đình và luôn thương yêu vợ con. Anh V mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau nên anh không đồng ý ly hôn.

Anh và chị N đều có công việc và thu nhập ổn định nên không yêu cầu xem xét đến việc cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Đức M, sinh ngày 08/02/2013 và Võ Chí T, sinh ngày 11/12/2019, hiện đang sống với chị N. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N thì anh đồng ý để chị N nuôi 02 con chung, anh không cấp dưỡng nuôi 02 con chung do chị N tự nguyện không yêu cầu.

Về tài sản chung: Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N thì anh và chị N tự thỏa thuận tài sản chung.

Về nợ chung: Anh và chị N không có nợ chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không tuân thủ theo quy định của pháp luật về việc đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Về nội dung: Chị N và anh V đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Anh V không đồng ý ly hôn với chị N nhưng anh không có phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thành viên trong gia đình chị N, anh V cũng xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V không thể khắc phục, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh V đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung tên Võ Đức M, sinh ngày 08/02/2013 và Võ Chí T, sinh ngày 11/12/2019. Chị N yêu cầu được nuôi 02 con chung, anh V không có yêu cầu gì về con chung. Xét thấy, các cháu Võ Đức M, Võ Chí T hiện đang sống chung với chị N và cháu Võ Đức M cũng có nguyện vọng sống cùng chị N nên đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu nuôi 02 con chung của chị N. Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên đề nghị Tòa ghi nhận.

Về tài sản chung: Chị N và anh V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

Về nợ chung: Chị N và anh V cùng khai không có nên đề nghị Tòa án ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa chị Huỳnh Thị Hạnh N và anh Võ Trí V là tranh chấp về ly hôn, về nuôi con chung theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Võ Trí V có nơi cư trú tại xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Trí V có đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh V vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

[2] Chị N và anh V kết hôn vào năm 2012, hôn nhân là do anh chị tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19/9/2012 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, chị N và anh V phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do anh V hay ghen

tuông, cờ bạc, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ đầu năm 2023 đến nay, anh chị đã sống ly thân. Nay chị N yêu cầu được ly hôn, anh V không đồng ý ly hôn nhưng anh không có phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua xác minh, thành viên trong gia đình chị N cũng xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn. Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng anh V không tham gia phiên tòa, điều đó cho thấy anh V không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Từ đó có cơ sở để xác định, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Ghi nhận chị Huỳnh Thị Hạnh N và anh Võ Trí V không yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

[3] Về con chung: Chị N và anh V có 02 con chung tên Võ Đức M, sinh ngày 08/02/2013 và Võ Chí T, sinh ngày 11/12/2019. Chị N yêu cầu được nuôi con chung là Võ Đức M và Võ Chí T, anh V không có yêu cầu gì về con. Xét thấy, hai cháu Võ Đức M và Võ Chí T đang sống chung với chị N; trong thời gian nuôi con, chị N vẫn đảm bảo được việc nuôi dạy con tốt. Tại biên bản lấy ý kiến của Tòa án thì cháu Võ Đức M có nguyện vọng được sống cùng chị N. Tại phiên hòa giải, anh V cũng không có yêu cầu gì về con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và không làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị N, giao cho chị N trực tiếp nuôi cháu Võ Đức M và Võ Chí T là phù hợp theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị N không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi 02 con chung nên được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Chị N và anh V cùng khai là không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[7] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 115 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Huỳnh Thị Hạnh N ly hôn với anh Võ Trí V. Ghi nhận chị Huỳnh Thị Hạnh N và anh Võ Trí V không yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Võ Đức M, sinh ngày 08/02/2013 và Võ Chí T, sinh ngày 11/12/2019 cho chị Huỳnh Thị Hạnh N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị N không yêu cầu anh Văn cấp dưỡng nuôi 02 con chung .

Anh Võ Trí V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh V tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị N và anh V cùng xác định là không có nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003667 ngày 14/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Đương sự đã nộp đủ án phí.

Chị N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh V vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND phường M, quận N, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Ngọc Trâm